

NHỮNG KHÍA CẠNH TÔN GIÁO CỦA NHO GIÁO Ở VIỆT NAM

NGUYỄN ĐỨC SỰ^(*)

Nho giáo đã tồn tại ở Việt Nam qua hàng ngàn năm. Trong suốt chiều dài lịch sử ấy, Nho giáo đã từng giữ vị trí quan trọng trong kiến trúc thượng tầng của xã hội phong kiến Việt Nam, và do đó đã chi phối đời sống tư tưởng và tâm linh của nhân dân ta trong nhiều thế kỉ. Ảnh hưởng của nó không chỉ dừng lại ở lĩnh vực chính trị, văn hoá, giáo dục mà còn đi sâu vào phong tục, nếp sống và khát vọng của con người. Với sự thúc đẩy và cổ vũ của nhà nước phong kiến Việt Nam, Nho giáo đã phát huy khía cạnh thần học và gắn với những nghi thức tế lễ có tính chất tôn giáo. Hơn nữa, Nho giáo còn hoà quyện với các tôn giáo lớn đương thời như Phật giáo và Đạo giáo để tạo nên cái khung cảnh “Tam giáo đồng nguyên”. Trong khung cảnh đó, Nho giáo vừa chi phối sự phát triển của Phật giáo và Đạo giáo, vừa tiếp thu những yếu tố của Phật giáo và Đạo giáo. Có thể nói, sự có mặt của Nho giáo là không thể thiếu trong bức tranh chung về sinh hoạt văn hoá và tôn giáo của đất nước Việt Nam trên nhiều chặng đường lịch sử. Chính vì vậy mà chúng ta có thể khẳng định rằng Nho giáo là một hiện tượng văn hoá của dân tộc Việt Nam ngày xưa. Giờ đây Nho giáo không còn tồn tại như một thể chế,

một lực lượng xã hội. Nhưng ảnh hưởng của nó trong đời sống tinh thần, trong tôn giáo, tín ngưỡng và phong tục của nhân dân vẫn còn đậm nét. Do đó, để hiểu rõ văn hoá và tôn giáo của nước ta ngày xưa và cả ngày nay, chúng ta cần phải tìm hiểu Nho giáo không những trên bình diện của một học thuyết mà cả trên bình diện của một tôn giáo.

*

* *

Khi vào Việt Nam, Nho giáo đã là Hán Nho nghĩa là Nho giáo đã được độc tôn và trở thành một thứ tôn giáo Nhà nước. Hán Nho là Nho giáo thời Khổng- Mạnh được cải tạo và xây dựng lại trên cơ sở thần học của Đổng Trọng Thư, đồng thời lại bao hàm cả những lí thuyết và quy chế về các nghi thức tế lễ, làm cho Nho giáo đậm màu sắc tôn giáo. Vì thế khi vào Việt Nam, Nho giáo đã mang tính tôn giáo. Đó là điều không tránh khỏi. Về sau Tống Nho có ảnh hưởng nhiều đến sự phát triển của Nho giáo ở Việt Nam. Tống Nho chú trọng phát triển mặt triết học, nhưng vẫn bảo lưu và cải tiến những khía cạnh tôn giáo và thần học của Nho giáo. Do chịu ảnh hưởng trực

^(*). PGS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

tiếp của Hán Nho và Tống Nho nên những khía cạnh tôn giáo của Nho giáo ở Việt Nam bộc lộ ra khá đậm nét.

Khía cạnh tôn giáo của Nho giáo ở Việt Nam trước hết biểu hiện ở quan điểm thần học về Trời, mệnh Trời và số Trời của các nhà Nho và của những người cầm quyền tin theo đạo Nho. Từ thời Lý cho đến thời Nguyễn, vua quan và tầng lớp Nho sĩ thường hay nói tới mệnh Trời, số Trời. Ở thời Lý -Trần, mệnh Trời và số Trời được người ta đưa ra để củng cố niềm tin vào sự tất thắng của cuộc kháng chiến chống xâm lược và của một triều đại mới xuất hiện. Còn đến thế kỉ XVII, XVIII, mệnh Trời, số Trời không những được dùng để biện hộ cho sự bất lực của tầng lớp Nho sĩ mà còn dùng để giải thích những số phận bi đát và những nỗi đau khổ trên trần gian. Hơn nữa, ở triều đại nào nhà vua và các Nho sĩ cũng thường xuyên nhắc tới thuyết “thiên nhân cảm ứng” của Hán Nho để khẳng định uy quyền của nhà vua thay Trời trị dân, nhưng mặt khác cũng để nhắc nhở nhà vua và những kẻ quyền thần phải lo trị dân cho tốt, vì việc làm và chính sách của nhà vua có sự giám sát của Trời.

Các nhà Nho Việt Nam không những tin vào mệnh Trời mà còn tin vào sự tồn tại của linh hồn, của thế giới linh hồn, thần thánh. Theo họ, bên cạnh thế giới con người, còn có một thế giới linh hồn. Những linh hồn ấy có thể phù trợ cho con người vượt qua những cơn tai biến, những nỗi gian truân trong cuộc đời. Đó là linh hồn của những người thân

thích, của những thánh nhân. Cũng có khi những linh hồn ấy quấy phá cuộc sống bình yên của con người, đó là những cô hồn không nơi nương tựa, không người cúng tế.

Niềm tin vào sức mạnh huyền bí thiêng liêng của ông Trời, của thần thánh, ma quỷ, tin vào sự bói toán trong nhân dân đã có từ trước khi Nho giáo thâm nhập vào nước ta. Tuy nhiên Nho giáo vào Việt Nam đã củng cố niềm tin đó, và điều quan trọng là đã đem lại cho niềm tin đó một cơ sở lí thuyết thần học và những hình thức nghi lễ mới.

Tính chất tôn giáo của đạo Nho ở Việt Nam biểu hiện rõ rệt và dễ thấy nhất ở sinh hoạt cúng tế của triều đình và của chính quyền phong kiến địa phương.

Đáng chú ý là việc thờ Khổng Tử và các bậc tiên Nho ở Văn Miếu nước ta gắn liền với sự tôn sùng Nho học của nhà nước phong kiến. Văn Miếu được xây dựng ở kinh thành Thăng Long từ thời Lý. Các triều đại kế tiếp nhà Lý vẫn tiếp tục tu bổ Văn Miếu. Đến thời Lê, nhà vua cho xây Văn Miếu ở các trấn lộ, phủ, ở các tỉnh lỵ và huyện lỵ. Nhất là vào thế kỉ XVIII, XIX ở nhiều làng xã nước ta cũng xây Văn Chỉ và nhà thánh để thờ Khổng Tử và các tiên Nho.

Ở nước ta ngày xưa, vua phải đứng ra làm chủ tế ở Văn Miếu tại Kinh thành. Nếu nhà vua vắng mặt thì phải cử một đại thần thay mặt nhà vua làm chủ tế. Còn việc tế ở Văn Miếu các địa phương do các quan đầu tỉnh, đầu phủ, huyện làm chủ tế. Mỗi

năm tổ chức hai lần tế ở Văn Miếu vào mùa Xuân và mùa Thu.

Một nghi lễ rất quan trọng của triều đình mà Nho giáo hết sức đề cao là lễ Tế Giao. Tế Giao đã được các nhà Nho ghi vào điển chương của nhà nước phong kiến. Tế Giao có liên hệ với quan niệm về Thiên mệnh của Nho giáo, một quan niệm thần học nhấn mạnh rằng vua là con Trời được Trời trao ngôi báu để thay Trời trị dân và thực hiện mệnh lệnh của Trời. Cho nên vua phải đích thân tế Trời để tỏ lòng tôn kính và để cầu Trời phù hộ.

Ở Việt Nam lễ Tế Giao xuất hiện từ thời Lý. Theo sử sách ghi chép thì đàn Nam Giao được vua Lý cho xây dựng ở phía nam kinh thành vào năm 1153. Nhà Trần và nhà Lê vẫn tiếp tục tu bổ đàn Nam Giao để tế lễ. Lễ Tế Giao thời bấy giờ được tổ chức vào mùa Xuân. Đến thời Nguyễn, đàn Nam Giao xây lộ thiên ở phía nam thành Huế và lễ Tế Giao được cử hành vào thượng tuần tháng 2 âm lịch. Nghi lễ Tế Giao của triều Nguyễn phức tạp tốn kém và linh đình hơn trước. Nói chung lễ Tế Giao của Việt Nam dù có chịu ảnh hưởng của lễ Tế Giao ở Trung Quốc nhưng vẫn đơn giản hơn nhiều lễ Tế Giao ở Trung Quốc.

Một nghi lễ khác của chế độ phong kiến đã được các nhà Nho nước ta cổ vũ là việc cúng tế các vị thần có công trạng và có nhiều quyền năng đối với sự phát triển nghề nông, một nghề mà Nho giáo đã coi là gốc của thiên hạ.

Trước khi Nho giáo vào Việt Nam ở các làng xã nước ta cũng đã thờ các vị thần tự nhiên và nhân thần có sức mạnh siêu nhiên phù trợ cho sự phát triển nông nghiệp. Nhưng Nho giáo vào nước ta đã đưa theo những ông thần nông nghiệp từ Trung Quốc. Đó là Thần Xã Tắc và Thần Nông. Việc nhà vua đích thân lễ Thần Xã Tắc và sau khi tế Thần Nông xong rồi làm lễ Tịch Điền là theo quy chế Nho giáo.

Ở Việt Nam, lễ Tịch Điền xuất hiện đầu tiên vào thời Lê Đại Hành (987). Đến thời Lý, lễ tế Tiên Nông và lễ Tịch Điền được nhà vua cho tổ chức một cách quy củ và đều đặn hơn. Đặc biệt từ khi Nho giáo được độc tôn dưới thời Lê và thời Nguyễn, đàn thờ Tiên Nông, đàn thờ Xã Tắc Đế Quân và Thần Nông được xây dựng quy mô hơn, đồng thời lễ Tịch Điền cũng rất được coi trọng.

Ngoài việc cúng tế có tính tôn giáo gắn liền với cung đình như vậy, Nho giáo còn thâm nhập, thúc đẩy và làm biến dạng những nghi lễ cúng tế và những phong tục tín ngưỡng cổ truyền của dân tộc ta vốn tồn tại lâu đời trong dân gian.

Trước hết phải nói đến tục thờ thần, cúng tế thần phổ biến ở nước ta. Không làng nào, địa phương nào là không có đình miếu thờ thần. Tục thờ thần vốn có từ trước khi Nho giáo và văn hoá Hán thâm nhập vào nước ta. Nhưng Nho giáo một khi được nhà nước phong kiến đề cao, thì nó đã đưa lại những nội dung mới cho việc thờ thần và tế thần ở nước ta. Để huy động sức mạnh thần

quyền nhằm củng cố chế độ quân chủ, nhà vua đã nhân danh là Thiên tử làm chủ bách thần có quyền phong chức, ban tước hiệu cho các vị thần, trong đó có cả thần Thành hoàng ở các làng xã. Làng nào mà thần Thành hoàng được nhận sắc phong của vua thì dân làng phấn khởi tổ chức tế lễ linh đình. Còn hình thức và thủ tục tế lễ thì căn cứ vào chức sắc của Thành hoàng và những quy định dựa theo điển chương của Nho giáo.

Nho giáo không những thâm nhập vào việc thờ Trời, thờ thần và tế thần mà còn thâm nhập cả vào đạo thờ cúng Tổ tiên của nhân dân ta. Đạo thờ cúng Tổ tiên vốn có từ trước khi Nho giáo vào nước ta. Nó bắt nguồn từ sự thờ cúng Tổ tiên của xã hội thị tộc phụ hệ ở Việt Nam thời cổ đại. Nhưng Nho giáo một khi thâm nhập vào các làng xã và các gia đình người Việt, thì nó đã làm thay đổi một phần nội dung của đạo thờ Tổ tiên đó. Trước hết Nho giáo đã đưa khái niệm hiếu với những quy chế ngặt nghèo xoay quanh chữ hiếu vào nội dung lễ tang cha mẹ và thờ cúng Tổ tiên. Nho giáo đã có những quy định chi tiết về lễ tang cha mẹ và việc cúng tế Tổ tiên. Ví dụ tế Tổ tiên ở nhà thờ họ, ai chủ tế và ai điều hành công việc cúng tế thì trong điển chương của Nho giáo đã có quy định rõ ràng. Không những thế khái niệm hiếu của Nho giáo còn có ảnh hưởng đối với Phật giáo, Đạo giáo và các tôn giáo dân gian như đạo thờ Mẫu.

Như vậy là ngoài lí thuyết thần học, Nho giáo Việt Nam còn có

những nghi lễ riêng của nó, trước hết là lễ tế Khổng Tử rồi đến những nghi lễ cung đình như Tế Giao, tế Thái Miếu, tế Xã Tắc Đế Quân, tế Thần Nông và Tịch Điền. Nho giáo còn hoà nhập và chi phối những tín ngưỡng cổ truyền của dân tộc như đạo thờ Tổ tiên; thờ thần, nhất là thần Thành hoàng ở các làng xã và các vị thần giúp ích cho sản xuất nông nghiệp. Về mặt lễ nghi và tín ngưỡng, nhiều tôn giáo khác ở nước ta cũng chịu ảnh hưởng của Nho giáo ở mức độ nhất định.

Để điều hành những nghi lễ có tính tôn giáo và trực tiếp tổ chức các nghi lễ tôn giáo cung đình, Nho giáo ở Việt Nam cũng có một tổ chức phù hợp với tính chất và nội dung tôn giáo của nó. Từ khi Nho giáo được độc tôn và được triều đình coi là hệ tư tưởng chính thống của chế độ phong kiến thì chính quyền phong kiến đồng thời cũng là tổ chức tôn giáo của Nho giáo. Các quan chức trong triều, các quan chức địa phương, các quan chức chuyên trách văn hoá, giáo dục, lễ nghi đồng thời cũng là những giáo chức thực hiện chức năng tôn giáo của Nho giáo. Hoàng đế là giáo chức cao nhất, do đó làm chủ tế trong những nghi lễ quan trọng nhất như tế Trời. Các quan chức cấp dưới của hoàng đế thì theo phẩm hàm khác nhau mà gánh vác những nhiệm vụ tế lễ khác nhau. Trong nhà nước phong kiến Việt Nam cũng có một cơ quan chuyên quản lí công việc tôn giáo của Nho giáo, đó là Bộ Lễ.

Nho giáo đã có một tổ chức thực hiện những nghi lễ tôn giáo của nó

thì cũng có một lực lượng xã hội làm nòng cốt cho tổ chức đó và thúc đẩy tổ chức đó vận hành. Lực lượng xã hội ấy chính là tầng lớp vua quan và Nho sĩ. Trong một nước độc tôn Nho giáo thì vua quan và Nho sĩ chính là những người thực hiện chức năng giáo hoá và chức năng tôn giáo của Nho giáo. Cho nên ở một mức độ nhất định, có thể gọi họ là tín đồ của Nho giáo, một thứ Nho giáo đã tôn giáo hoá.

Thế là Nho giáo ở Việt Nam ngày xưa đã từng có những yếu tố của một tôn giáo như lí thuyết thần học, niềm tin, những nghi lễ và một tổ chức xã hội thực hiện các nghi lễ, những tín đồ chăm lo hành đạo.

Tuy nhiên bên cạnh phương diện Nho giáo là một tôn giáo, còn một phương diện quan trọng hơn nữa, đó là Nho giáo là một học thuyết chính trị, đạo đức có tính thế tục. Trong nhiều giai đoạn lịch sử cái phương diện thế tục đó của Nho giáo nổi lên hàng đầu. Vả lại kinh điển của Nho giáo nói nhiều về xã hội con người và đạo làm người mà nói ít về thần linh. Do đó khía cạnh tôn giáo của Nho giáo có những hạn chế nhất định.

Sự hạn chế những khía cạnh tôn giáo của Nho giáo Việt Nam trước hết biểu hiện ở chỗ, lí thuyết thần học của Nho giáo về mệnh Trời, thần thánh, ma quỷ rất tản mạn, không thành hệ thống chặt chẽ và không được lí giải thấu đáo. Điều này vốn là một đặc tính của Nho giáo ở Trung Quốc kể từ khi nó ra đời rồi phát triển qua các giai đoạn lịch sử. Có thể nói, ngay lúc Nho giáo đề cao

thần quyền nhất thì những vấn đề trung tâm của nó vẫn là những vấn đề chính trị, xã hội và đạo đức. Còn lí thuyết thần học chỉ là cái nền, là phương tiện lí luận để minh chứng cho những vấn đề trung tâm đó và để biện hộ cho đường lối chính trị của nhà nước phong kiến.

Do chỗ lí thuyết thần học về mệnh Trời, thần thánh, ma quỷ có vị trí khiêm tốn như vậy trong hệ thống Nho học, cho nên nó thiếu tính hoàn chỉnh, tính hấp dẫn để có thể thoả mãn được những nhu cầu phức tạp của đời sống tâm linh con người. Bởi thế nên vua quan và Nho sĩ dù rất tôn sùng Nho giáo và tìm thấy ở đó một chỗ dựa về lí luận cho việc trị nước, nhưng nhiều người vẫn tìm đến Phật giáo, Đạo giáo để thoả mãn nhu cầu tôn giáo cá nhân của mình. Vì Nho giáo đâu có đem lại sự cân bằng về mặt tâm lí sau những vụ thảm sát nội bộ, đâu có đáp ứng được yêu cầu hưởng thụ và trường sinh bất lão của nhà vua và các công khanh.

Nhìn vào hệ thống thần linh của Nho giáo ta thấy đó là một hệ thống cấu trúc không chặt chẽ. Vị thần cao nhất trong hệ thống đó là Trời thì vốn có từ thời Thượng Chu. Về sau Nho giáo cải tạo và nâng cấp vị thần này và đưa vào hệ thống thờ cúng của mình. Vị thần trung tâm phản ánh đặc điểm của Nho giáo là Khổng Tử, một con người hiện thực lịch sử thì lại chưa được thần hoá một cách triệt để, chưa trở thành một lực lượng siêu nhiên đầy phép lạ để có thể che chở, phù hộ, an ủi, cứu vớt những con người đau khổ và bất

hạnh. Còn bách thần trong thiên hạ có những nguồn gốc khác nhau thì lại tập kết trong hệ thống thần linh của Nho giáo một cách ô hợp. Như vậy là mối liên hệ nội tại của hệ thống thần linh Nho giáo rất lỏng lẻo, trong đó chức năng và định hướng hoạt động của các thần linh không thống nhất. Điều đó làm cho người ta có cảm giác đây là một hệ thống đa thần mặc dù ông Trời được đưa lên vị trí cao nhất.

Những hình thức tế lễ của Nho giáo ở cung đình và ở các địa phương cũng có những hạn chế rõ rệt. Trước hết, số lần tổ chức tế lễ trong một năm như Tế Giao, tế Văn Miếu quá ít ỏi và thiếu tính phổ cập. Qua những hình thức tế lễ của Nho giáo, ta có thể thấy quan hệ giữa con người và thần linh của Nho giáo lại quá thừa thớt và cách bức. Biểu tượng thần linh của Nho giáo đọng lại trong tâm trí và trái tim của con người còn mờ nhạt. Hơn nữa nếu gọi vua quan và Nho sĩ là tín đồ của Nho giáo thì đó không phải thứ tín đồ thuần nhất. Bởi vì ở người Nho sĩ và ở một bộ phận quan chức phong kiến vừa có mặt là tín đồ Nho giáo, lại vừa có mặt là con người hành động phi tôn giáo. Hai mặt đó của người Nho sĩ phù hợp với tính hai mặt của Nho giáo. Vì Nho giáo vừa là một học thuyết có tính thế tục, lại vừa là một tôn giáo. Thực ra, Nho giáo chỉ có những tín đồ hai mặt chứ không có thầy tu chuyên nghiệp. Đó cũng là điểm yếu của Nho giáo trên cương vị là một tôn giáo.

Không những thế, cơ quan tổ chức tôn giáo của Nho giáo là nhà nước

phong kiến trong đó có Bộ Lễ cũng có tính hai mặt. Vì những hoạt động có tính chất tôn giáo của Nho giáo chỉ là một bộ phận nhỏ trong muôn vàn công việc có tính phi tôn giáo của nhà nước phong kiến.

Một hạn chế nữa trong khía cạnh tôn giáo của Nho giáo là ở chỗ ảnh hưởng của nó chỉ đậm nét ở cung đình và trong sinh hoạt của tầng lớp quan liêu Nho sĩ. Ảnh hưởng đó càng yếu đi ở các làng xóm thôn quê.

Tóm lại, những khía cạnh tôn giáo của Nho giáo đã tồn tại một cách thực tế trong suốt chiều dài lịch sử. Nó làm cho Nho giáo đã từng tồn tại như một tôn giáo và thực hiện chức năng tôn giáo đối với đời sống xã hội. Nó là một phương diện quan trọng và không thể thiếu của Nho giáo. Nhưng Nho giáo lại có một phương diện khác quan trọng hơn. Đó là phương diện đào tạo con người và quản lý xã hội hiện thực. Trong hai phương diện ấy của Nho giáo, nhiều khi phương diện tôn giáo của Nho giáo chỉ ở vị trí phụ trợ. Vì vậy mà những yếu tố cơ bản của một tôn giáo lớn ở Nho giáo như giáo lí, giáo luật, giáo đường, nghi lễ, v.v... lại thô sơ và kém phát triển. Do đó nó không thoả mãn được nhu cầu phức tạp của đời sống tâm linh con người. Vì vậy trên các chặng đường lịch sử, nó phải tiếp thu những yếu tố của Phật giáo và Đạo giáo để tự cải tạo mình. Nhưng dù Nho giáo có tự cải tạo đến đâu đi nữa, thì những khía cạnh tôn giáo của nó cũng không vượt qua được những hạn chế tất yếu của chính bản thân nó/.